

HOÀN THIỆN THỂ CHẾ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ Ở VIỆT NAM

TRƯƠNG VĂN HUYỀN

Trường Đại học Thái Bình

Thai Binh University

Email: huyentruongvan@gmail.com

Ngày nhận bài: 5/6/2026

Ngày sửa bài: 22/6/2026

Ngày duyệt đăng bài: 8/7/2026

Tóm tắt:

Công nghiệp văn hóa ngày càng khẳng định vai trò là ngành kinh tế dựa trên sáng tạo, tri thức và tài sản trí tuệ, góp phần thúc đẩy tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát huy sức mạnh mềm quốc gia. Trên cơ sở phân tích nội hàm, mối quan hệ công nghiệp văn hóa, thể chế và kinh tế số, bài viết đánh giá thực trạng thể chế phát triển công nghiệp văn hóa ở Việt Nam, từ đó đề xuất các định hướng và giải pháp hoàn thiện thể chế theo hướng kiến tạo môi trường phát triển, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển thị trường và nâng cao hiệu quả quản trị, góp phần đưa công nghiệp văn hóa trở thành động lực tăng trưởng mới của nền kinh tế trong kỷ nguyên số.

Từ khóa: thể chế, công nghiệp văn hóa, kinh tế số, pháp luật, hoàn thiện pháp luật

Improving the institutional framework for cultural industry development in the context of Vietnam's digital economy

Abstract:

Cultural industries are increasingly recognized as economic sectors driven by creativity, knowledge, and intellectual property, contributing to economic growth, national competitiveness, and soft power. This study analyzes the concepts and relationships among cultural industries, institutions, and the digital economy and evaluates Vietnam's current institutional framework. The findings indicate that existing policies and laws remain insufficiently coordinated and have not fully kept pace with digital business models, intellectual property protection, platform governance, data management, and innovation. The study recommends shifting from a management-oriented framework toward an enabling institutional approach that supports creative enterprises, develops cultural markets, protects digital and intellectual assets, strengthens cooperation among stakeholders, and improves governance effectiveness. These reforms can help transform cultural resources into economic value and establish cultural industries as a new growth driver in the digital era.

Keywords: institutional framework, cultural industries, digital economy, law, legal reform

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, với sự phát triển của công nghệ số, công nghiệp văn hóa đang dần trở thành ngành kinh tế dựa trên tri thức, sáng tạo và tài sản trí tuệ, có khả năng tạo ra giá trị gia tăng cao, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và gia tăng sức mạnh mềm. Nhưng thực tiễn cho thấy, hệ thống chính sách và pháp luật hiện hành vẫn còn thiếu đồng bộ, một số quy định chưa theo kịp sự phát triển của các mô hình kinh doanh số, cơ chế bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, quản trị nền tảng số và khuyến khích đổi mới sáng tạo còn nhiều bất cập. Do đó, hoàn thiện thể chế không chỉ là yêu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật mà còn là điều kiện tiên quyết để kiến tạo hệ sinh thái phát triển công nghiệp văn hóa, giải phóng nguồn lực sáng tạo và chuyển hóa các giá trị văn hóa thành động lực tăng trưởng mới của nền kinh tế số.

2. Một số vấn đề lý luận về thể chế phát triển công nghiệp văn hóa

2.1. Khái niệm công nghiệp văn hóa, thể chế và kinh tế số

Công nghiệp văn hóa là các ngành sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ dựa trên sự sáng tạo, tri thức, tài sản trí tuệ và các giá trị văn hóa nhằm tạo ra đồng thời giá trị văn hóa và giá trị kinh tế. Theo UNESCO, công nghiệp văn hóa được hiểu là “các ngành sản xuất ra những sản phẩm vật thể và phi vật thể về nghệ thuật và sáng tạo, có tiềm năng thúc đẩy việc tạo ra của cải và thu nhập thông qua việc khai thác những giá trị văn hóa và sản xuất những sản phẩm và dịch vụ dựa vào tri thức (kể cả những giá trị văn hóa hiện đại và truyền thống). Điểm chung nhất của các ngành công nghiệp văn hóa là nó sử dụng tính sáng tạo, tri thức văn hóa và bản quyền trí tuệ để sản xuất ra các sản phẩm và dịch vụ, cũng như nó mang giá trị văn hóa” (Lại Thị Thanh Bình, 2019). Ở Việt Nam, công nghiệp văn hóa được xác định là ngành kinh tế có tiềm năng phát huy sức mạnh nội sinh, nâng cao sức mạnh mềm và thúc đẩy phát triển bền vững.

Để công nghiệp văn hóa phát triển, thể chế giữ vai trò tạo lập khuôn khổ pháp lý và môi trường chính sách cho các hoạt động sáng tạo, đầu tư, sản xuất và thương mại hóa sản phẩm văn hóa. Theo đó, thể chế phát triển công nghiệp văn hóa được hiểu là tổng thể các chủ trương, chính sách, pháp luật và cơ chế vận hành nhằm huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển công nghiệp văn hóa, đồng thời thúc đẩy sự tham gia của Nhà nước, doanh nghiệp và các chủ thể sáng tạo.

Trong bối cảnh kinh tế số, sự phát triển của công nghệ số, dữ liệu và các nền tảng số đang làm thay đổi chuỗi giá trị của công nghiệp văn hóa, từ sáng tạo, sản xuất đến phân phối và tiêu dùng. Điều này đòi hỏi thể chế không chỉ thực hiện chức năng quản lý mà phải chuyển sang kiến tạo môi trường phát triển, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo hộ tài sản trí tuệ và phát triển thị trường công nghiệp văn hóa. Như vậy, công nghiệp văn hóa là đối tượng phát triển, kinh tế số là bối cảnh chuyển đổi, còn thể chế là nhân tố quyết định khả năng chuyển hóa các giá trị văn hóa thành động lực tăng trưởng kinh tế.

2.2. Vai trò của thể chế đối với phát triển công nghiệp văn hóa

Trong nền kinh tế thị trường, thể chế là nền tảng bảo đảm việc huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển. Đối với công nghiệp văn hóa - lĩnh vực dựa trên tri thức, sáng tạo và tài sản trí tuệ - thể chế không chỉ thực hiện chức năng quản lý mà còn giữ vai trò kiến tạo môi trường để các giá trị văn hóa được chuyển hóa thành giá trị kinh tế, góp phần phát triển công nghiệp văn hóa trở thành ngành kinh tế quan trọng.

Thể chế tạo lập khuôn khổ pháp lý và môi trường chính sách ổn định cho phát triển công nghiệp văn hóa. Hệ thống pháp luật đồng bộ, minh bạch cùng các cơ chế, chính sách phù hợp sẽ khuyến khích đổi mới

sáng tạo, thu hút đầu tư, mở rộng thị trường và bảo đảm sự phát triển hài hòa giữa mục tiêu kinh tế với gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc.

Thể chế giữ vai trò định hướng và thúc đẩy sự phát triển của thị trường công nghiệp văn hóa thông qua việc bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, khuyến khích các mô hình kinh doanh sáng tạo và huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội. Chất lượng thể chế vì vậy có ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng thương mại hóa các sản phẩm văn hóa và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Đồng thời, thể chế tạo động lực hình thành hệ sinh thái công nghiệp văn hóa gắn với đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thông qua các cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp, phát triển nguồn nhân lực, tăng cường liên kết giữa Nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo và các tổ chức văn hóa. Vì vậy, trong bối cảnh kinh tế số, hoàn thiện thể chế không chỉ là hoàn thiện hệ thống pháp luật mà còn là kiến tạo môi trường phát triển, khơi thông các nguồn lực sáng tạo và nâng cao sức cạnh tranh của công nghiệp văn hóa.

2.3. Những yêu cầu mới của kinh tế số đối với thể chế phát triển công nghiệp văn hóa

Sự phát triển của kinh tế số đang làm thay đổi căn bản phương thức sáng tạo, sản xuất, phân phối và tiêu dùng các sản phẩm, dịch vụ văn hóa.

Thứ nhất, kinh tế số đòi hỏi chuyển từ thể chế quản lý sang thể chế kiến tạo phát triển. Nếu trước đây thể chế chủ yếu tập trung vào quản lý các hoạt động văn hóa thì trong bối cảnh mới cần tạo lập môi trường pháp lý minh bạch, ổn định và linh hoạt nhằm khuyến khích đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp và các mô hình kinh doanh văn hóa số. Đây cũng là yêu cầu được nhấn mạnh trong Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị khi xác định hoàn thiện thể chế là khâu đột phá để thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Thứ hai, kinh tế số đòi hỏi chuyển từ quản lý các hoạt động văn hóa sang quản trị hệ sinh thái công nghiệp văn hóa số. Thể chế không chỉ điều chỉnh hoạt động của các chủ thể văn hóa mà còn phải tạo cơ chế liên kết giữa Nhà nước, doanh nghiệp, các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp công nghệ và các nền tảng số; đồng thời tăng cường bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, quản trị dữ liệu và tài sản số nhằm bảo đảm môi trường cạnh tranh lành mạnh và thúc đẩy sáng tạo.

Thứ ba, kinh tế số đòi hỏi chuyển từ bảo tồn giá trị văn hóa sang phát huy giá trị văn hóa như một nguồn lực phát triển kinh tế. Điều này đòi hỏi thể chế phải tạo điều kiện để các sản phẩm công nghiệp văn hóa tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát huy sức mạnh mềm quốc gia, đảm bảo đúng định hướng được Đảng xác định trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, đó là: “văn hóa là nền tảng tinh thần, mục tiêu, động lực, sức mạnh nội sinh quan trọng trong phát triển nhanh và bền vững đất nước, là “tài nguyên”, “sức mạnh mềm” của quốc gia” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026).

Như vậy, trước yêu cầu của kinh tế số, trọng tâm của hoàn thiện thể chế không chỉ là bổ sung các quy định pháp luật mà là đổi mới tư duy phát triển, xây dựng môi trường thể chế kiến tạo, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển hóa các giá trị văn hóa thành nguồn lực quan trọng cho tăng trưởng bền vững.

3. Thực trạng thể chế phát triển công nghiệp văn hóa trong bối cảnh phát triển kinh tế số ở Việt Nam

3.1. Những kết quả đạt được

Trong những năm gần đây, thể chế phát triển công nghiệp văn hóa ở Việt Nam đã có những bước chuyển

biến quan trọng cả về nhận thức, chính sách và tổ chức thực hiện, tạo nền tảng để từng bước chuyển hóa các giá trị văn hóa thành nguồn lực phát triển kinh tế trong bối cảnh chuyển đổi số.

Thứ nhất, tư duy của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển công nghiệp văn hóa ngày càng được hoàn thiện theo hướng gắn kết chặt chẽ giữa văn hóa với phát triển kinh tế. Từ Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước xác định nhiệm vụ phát triển công nghiệp văn hóa gắn với xây dựng thị trường văn hóa, đến Kết luận số 76-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu phát triển các ngành công nghiệp văn hóa trở thành động lực tăng trưởng mới; và đặc biệt là Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 07/01/2026 về phát triển văn hóa Việt Nam, lần đầu tiên xác lập phát triển công nghiệp văn hóa là một nội dung trọng tâm của chiến lược phát triển văn hóa quốc gia, đặt mục tiêu: “Phấn đấu hoàn thành việc số hoá 100% các di sản văn hoá đã được xếp hạng cấp quốc gia, cấp quốc gia đặc biệt vào năm 2026”(Bộ Chính trị, 2026); “Phát triển các ngành công nghiệp văn hoá đóng góp 7% GDP; hình thành từ 5 - 10 thương hiệu quốc gia về công nghiệp văn hoá trong các lĩnh vực có tiềm năng, như: Điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, du lịch văn hoá, thiết kế và thời trang”(Bộ Chính trị, 2026). Đây là bước phát triển mới trong tư duy của Đảng khi chuyển từ tiếp cận văn hóa chủ yếu dưới góc độ bảo tồn sang phát huy văn hóa như một nguồn lực nội sinh và động lực tăng trưởng của nền kinh tế.

Thứ hai, hệ thống thể chế và chính sách từng bước được hoàn thiện theo hướng đồng bộ hơn. Chẳng hạn như: Quyết định số 2486/QĐ-TTg ban hành ngày 14/11/2025 phê duyệt “Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”; Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Điện ảnh sửa đổi, bổ sung năm 2022 và nhiều quy định liên quan đến chuyển đổi số, thương mại điện tử, đầu tư và doanh nghiệp đã từng bước hình thành hành lang pháp lý cho hoạt động sáng tạo, sản xuất và thương mại hóa các sản phẩm công nghiệp văn hóa.

Thứ ba, quá trình hoàn thiện thể chế đã góp phần thúc đẩy sự phát triển của thị trường công nghiệp văn hóa. Nhiều lĩnh vực như điện ảnh, quảng cáo, thiết kế, trò chơi điện tử, nội dung số và du lịch văn hóa có tốc độ tăng trưởng tích cực; khu vực doanh nghiệp tư nhân ngày càng tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị sáng tạo. Theo định hướng của Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị: “Xây dựng thành công 5 thương hiệu liên hoan nghệ thuật, lễ hội văn hoá quốc tế về điện ảnh, âm nhạc, mỹ thuật. Thành lập thêm từ 1 - 3 trung tâm văn hóa Việt Nam tại nước ngoài, ưu tiên các địa bàn đối tác chiến lược toàn diện. Phấn đấu thêm 5 di sản văn hoá được UNESCO công nhận, ghi danh” (Bộ Chính trị, 2026), đưa công nghiệp văn hóa trở thành một trong những động lực tăng trưởng mới và từng bước nâng cao vị thế, sức mạnh mềm của quốc gia trong kỷ nguyên số.

3.2. Những hạn chế và nguyên nhân trong hoàn thiện thể chế phát triển công nghiệp văn hóa

Mặc dù thể chế phát triển công nghiệp văn hóa ở Việt Nam đã có nhiều chuyển biến tích cực, song trước yêu cầu của nền kinh tế số, hệ thống thể chế hiện hành vẫn bộc lộ những khoảng trống, làm hạn chế khả năng chuyển hóa các nguồn lực văn hóa thành động lực tăng trưởng kinh tế.

Thứ nhất, khung thể chế pháp lý về phát triển công nghiệp văn hóa chưa thực sự đồng bộ và chưa theo kịp sự phát triển của kinh tế số. Các quy định liên quan còn phân tán ở nhiều lĩnh vực như văn hóa, đầu tư, doanh nghiệp, sở hữu trí tuệ, thương mại điện tử và công nghệ số, trong khi nhiều mô hình kinh doanh mới dựa trên nền tảng số, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo phát triển nhanh hơn quá trình hoàn thiện chính sách.

Thứ hai, thể chế phát triển thị trường công nghiệp văn hóa chưa tạo được động lực đủ mạnh để huy động các nguồn lực xã hội. Các cơ chế ưu đãi về đầu tư, tín dụng, thuế, hỗ trợ khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp sáng tạo còn thiếu tính đột phá, trong khi phần lớn doanh nghiệp công nghiệp văn hóa có quy mô nhỏ, năng lực tài chính và công nghệ còn hạn chế.

Thứ ba, thể chế về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và quản trị tài sản số chưa đáp ứng yêu cầu của môi trường số. Tình trạng vi phạm bản quyền trên không gian mạng, khai thác trái phép dữ liệu và phân phối nội dung số xuyên biên giới ngày càng phức tạp, trong khi cơ chế bảo vệ quyền tác giả, quản trị dữ liệu và xử lý các sản phẩm do trí tuệ nhân tạo tạo ra còn thiếu và chưa đồng bộ. Điều này làm giảm động lực sáng tạo, ảnh hưởng đến khả năng thương mại hóa sản phẩm và năng lực cạnh tranh của công nghiệp văn hóa.

Thứ tư, thể chế hỗ trợ hội nhập quốc tế và phát triển thị trường văn hóa số còn nhiều hạn chế. Mặc dù Việt Nam đã tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, nhưng các cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng thương hiệu, phát triển nền tảng số và tham gia chuỗi giá trị công nghiệp văn hóa toàn cầu vẫn chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Vì vậy, năng lực cạnh tranh và khả năng xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp văn hóa chưa tương xứng với tiềm năng về nguồn lực văn hóa và sức sáng tạo của Việt Nam.

Những hạn chế trên chủ yếu xuất phát từ việc nhận thức về công nghiệp văn hóa như một ngành kinh tế chưa thống nhất; quá trình hoàn thiện thể chế chưa theo kịp sự phát triển của công nghệ và các mô hình kinh doanh mới; sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý còn thiếu đồng bộ, trong khi nguồn lực đầu tư cho đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn hạn chế. Do vậy, yêu cầu cấp thiết phải tiếp tục hoàn thiện thể chế theo hướng đồng bộ, linh hoạt và thích ứng với sự phát triển của nền kinh tế số.

4. Định hướng hoàn thiện thể chế phát triển công nghiệp văn hóa trong bối cảnh phát triển kinh tế số ở Việt Nam

Một là, tiếp tục hoàn thiện khung pháp luật theo hướng đồng bộ, thống nhất và thích ứng với sự phát triển của kinh tế số. Rà soát, sửa đổi và bổ sung các quy định liên quan đến đầu tư, doanh nghiệp, sở hữu trí tuệ, điện ảnh, quảng cáo, thương mại điện tử và các lĩnh vực có liên quan nhằm khắc phục tình trạng chồng chéo, phân tán trong hệ thống pháp luật; xây dựng cơ chế thử nghiệm chính sách đối với một số mô hình kinh doanh văn hóa mới dựa trên nền tảng số, tạo không gian pháp lý linh hoạt cho đổi mới sáng tạo nhưng vẫn bảo đảm hiệu lực quản lý nhà nước.

Hai là, hoàn thiện thể chế phát triển thị trường công nghiệp văn hóa theo hướng tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và khuyến khích khu vực tư nhân tham gia đầu tư. Nhà nước cần có chính sách ưu đãi về tín dụng, thuế và đất đai đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa; khuyến khích phát triển các quỹ đầu tư cho doanh nghiệp sáng tạo, thúc đẩy hợp tác công - tư trong đầu tư hạ tầng văn hóa và hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường trong nước cũng như quốc tế. Cùng với đó, cần xây dựng hệ thống thống kê và cơ sở dữ liệu quốc gia về công nghiệp văn hóa nhằm nâng cao hiệu quả hoạch định chính sách và dự báo thị trường.

Ba là, đổi mới thể chế bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và quản trị tài sản số. Cần tiếp tục hoàn thiện các quy định về quyền tác giả và quyền liên quan đối với sản phẩm số; tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản lý bản quyền, kiểm soát vi phạm trên không gian mạng và xử lý hiệu quả các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Đồng thời, nghiên cứu hoàn thiện các quy định pháp lý đối với những vấn đề mới phát sinh từ trí tuệ nhân tạo, dữ liệu số và các nền tảng xuyên biên giới nhằm bảo đảm quyền lợi của các chủ thể sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam.

Bốn là, xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo cho phát triển công nghiệp văn hóa. Cụ thể là đầu tư phát triển hạ tầng số và các nền tảng công nghệ, cần hoàn thiện cơ chế liên kết giữa Nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu và các tổ chức văn hóa nhằm thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa; ứng dụng dữ liệu số và trí tuệ nhân tạo trong hoạch định, giám sát và đánh giá chính sách; chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao có khả năng kết hợp giữa sáng tạo văn hóa với công nghệ số, quản trị kinh doanh và hội nhập quốc tế; tạo điều kiện thuận lợi để hình thành các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo và cụm liên kết ngành trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa.

Năm là, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế và năng lực quản trị nhà nước đối với công nghiệp văn hóa trong môi trường số. Chủ động tiếp thu kinh nghiệm quốc tế trong xây dựng chính sách phát triển công nghiệp văn hóa, đồng thời khai thác hiệu quả các cam kết trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới để mở rộng thị trường xuất khẩu các sản phẩm và dịch vụ văn hóa của Việt Nam.

5. Kết luận

Tóm lại, kinh tế số đang tạo ra những biến đổi căn bản đối với phương thức sáng tạo, sản xuất, phân phối và tiêu dùng các sản phẩm văn hóa, đồng thời đặt ra yêu cầu đổi mới tư duy xây dựng thể chế phát triển công nghiệp văn hóa. Vì vậy, hoàn thiện thể chế phát triển công nghiệp văn hóa trong bối cảnh kinh tế số không chỉ là yêu cầu sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật mà còn là quá trình kiến tạo môi trường phát triển đồng bộ, khơi thông các nguồn lực sáng tạo và thúc đẩy hình thành hệ sinh thái công nghiệp văn hóa hiện đại. Đây là điều kiện quan trọng để chuyển hóa tiềm năng văn hóa thành nguồn lực kinh tế, nâng cao sức cạnh tranh quốc gia và hiện thực hóa mục tiêu phát triển công nghiệp văn hóa trở thành ngành kinh tế quan trọng của Việt Nam trong giai đoạn phát triển mới ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Bộ Chính trị (2020). Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Bộ Chính trị (2024). Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Bộ Chính trị (2026). Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 về phát triển văn hóa Việt Nam.

Chính phủ (2025). Quyết định số 2486/QĐ-TTg ngày 14/11/2025 phê duyệt “Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”

Đảng Cộng sản Việt Nam (2026). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, tập 1, tr. 305. Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.

Lại Thị Thanh Bình (2019). Công nghiệp văn hóa, công nghiệp sáng tạo và sự lựa chọn mô hình phù hợp cho Việt Nam. Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội. <https://hcmussh.edu.vn/static/document/Congnghiepvanhua.PDF>.

Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005). Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 (sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019 và 2022), ban hành ngày 29/11/2005;

Quốc hội (2022). Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15, ban hành ngày 15/6/2022